



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: /SCIEC - CBTT  
(V/v: Báo cáo thường niên 2018)

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải - Giám đốc công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Ngày 02/05/19 Công ty đã ký báo cáo thường niên 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/03/2019 web: <https://www.scigroup.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Phan Thanh Hải**



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

SCI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

*Hà Nội, tháng 5 năm 2019*




## MỤC LỤC

1. Thông tin cơ bản về Công ty .....	3
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	5
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	6
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông .....	7
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính .....	9
6. Định hướng phát triển.....	16
7. Các rủi ro .....	17
<b>I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....</b>	<b>20</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
2. Tổ chức và nhân sự.....	21
3. Tình hình tài chính.....	32
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	34
<b>II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc.....</b>	<b>34</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34
2. Tình hình tài chính.....	38
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	42
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	45
<b>III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>	<b>46</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	46
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	47
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	48
<b>IV. Quản trị Công ty .....</b>	<b>50</b>
1. Hội đồng quản trị.....	50
2. Ban kiểm soát .....	55
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....	55
<b>V. Báo cáo tài chính.....</b>	<b>56</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	57
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	57
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP .....</b>	<b>59</b>

## THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

**1. Thông tin cơ bản về Công ty**

<b>Tên tiếng Việt</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
<b>Tên tiếng Anh</b>	: SCI E&C JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: SCI - E&C
<b>Logo</b>	: 
<b>Trụ sở chính</b>	: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, P.Mỹ Trì, Q.Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
<b>Điện thoại</b>	: (+84-24) 33868243.
<b>Fax</b>	: (+84-24) 33868243.
<b>Website</b>	: <a href="http://www.sci-enc.com">http://www.sci-enc.com</a>
<b>Email</b>	: <a href="mailto:sci-enc@scigroup.vn">sci-enc@scigroup.vn</a>
<b>Vốn điều lệ đăng ký:</b>	109.999.950.000 đồng (Một trăm linh chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).
<b>Vốn điều lệ thực góp :</b>	109.999.950.000 đồng (Một trăm linh chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD số</b>	0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 09 năm 2018.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 09 năm 2018, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây

dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.

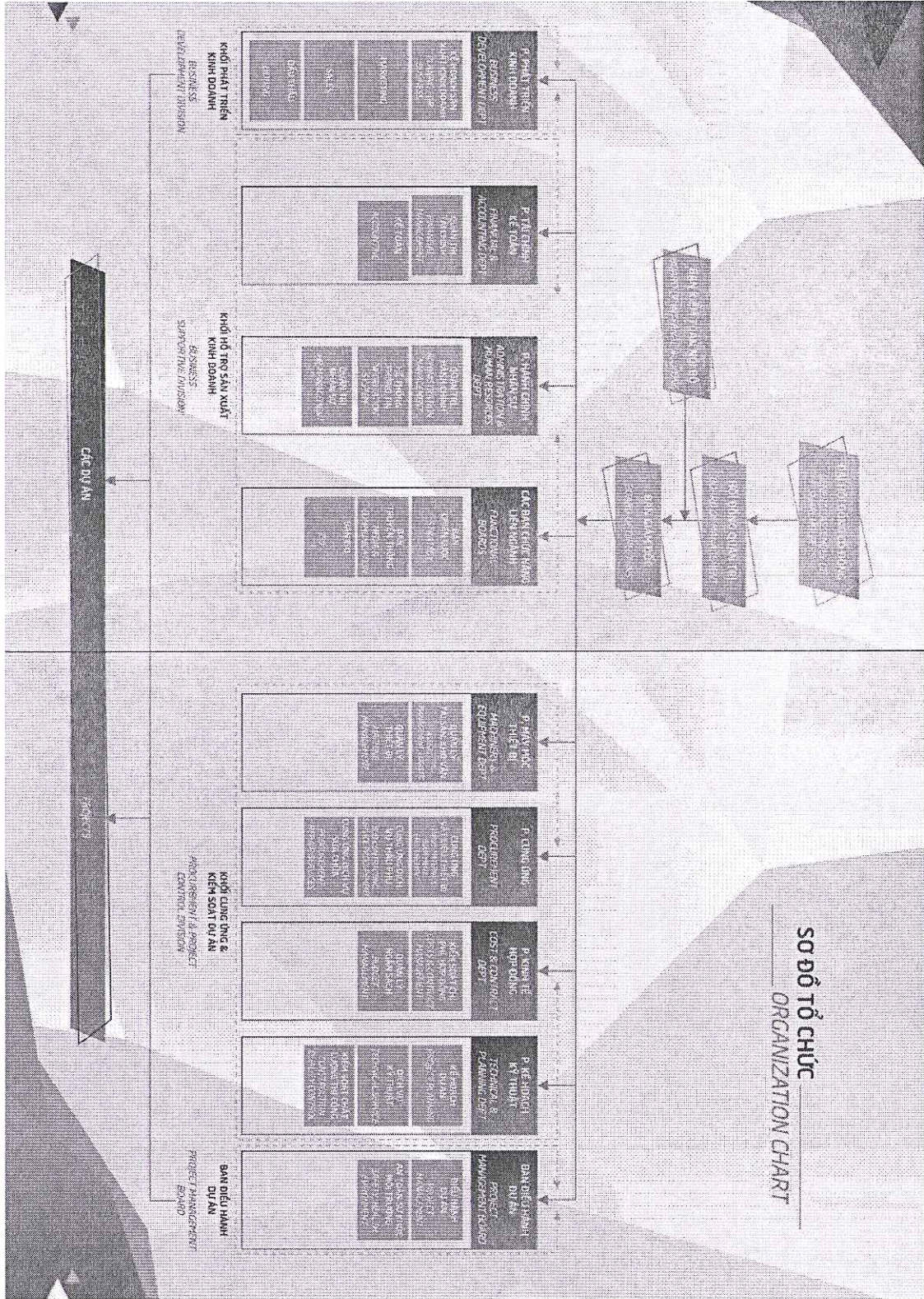
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **Từ năm 2006 đến năm 2007:** Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
  - Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
  - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
  - Xây dựng đường dây và trạm biến thế
- **Từ năm 2007 đến năm 2010:** Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
  - Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
  - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
  - Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây
  - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
  - Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng
- **Từ năm 2010 đến nay:** Công ty cổ phần SCI E&C: Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại. Bước đầu đơn vị đã thu được những thành quả rất khả quan, tốc độ phát triển nhanh và bền vững.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần SCI E&C.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC  
ORGANIZATION CHART



### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyên nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lương Thanh Tùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Phúc  | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Phan Thanh Hải   | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Triệu Quang Hà   | - Thành viên HĐQT |

### **Ban Kiểm soát**

Ban này được chuyển đổi mô hình cơ cấu sang Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 27/04/2018.

### **Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- |                       |                |
|-----------------------|----------------|
| - Ông Phan Thanh Hải  | - Giám đốc     |
| - Ông Hoàng Công Tuấn | - Phó giám đốc |
| - Ông Nguyễn Cao Hải  | - Phó giám đốc |
| - Ông Lê Văn Bảo      | - Phó giám đốc |

### **Các phòng ban, đội**

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

## **4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông**

### **4.1 Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần SCI E&C**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty CP SCI	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đ.Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	6.655.000	60,5
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6.655.000</b>	<b>60,5</b>

#### 4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần SCI E&C

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>2.640.000</b>	<b>26.400.000.000</b>	<b>52,8</b>

Công ty Cổ phần SCI E&C đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

#### 4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2018 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>329</b>	<b>10.986.575</b>	<b>109.865.750.000</b>	<b>99,88</b>
	- Cá nhân	324	3.784.067	37.840.670.000	34,4
	- Tổ chức	5	7.202.508	72.025.080.000	65,48
2	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>2</b>	<b>13.420</b>	<b>134.200.000</b>	<b>-</b>
	- Cá nhân	2	13.420	134.200.000	0,12
	- Tổ chức	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>		<b>335</b>	<b>10.999.995</b>	<b>109.999.950.000</b>	<b>100</b>

#### 5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

##### ❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty Cổ phần SCI E&C hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

##### ▪ Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Long Phú, Đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Thủy điện Ca Nan, Thủy điện NamTheun Lào ... với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ... Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

##### ▪ Lĩnh vực giao thông

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Công trình thủy điện Ca Nan và Giao thông Lào; ... Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 15 - 20% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

##### ▪ Sản xuất cơ khí

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống

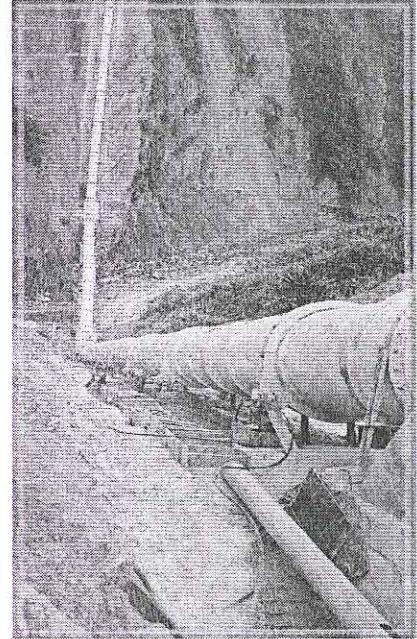
áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hòa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

▪ Các lĩnh vực khác

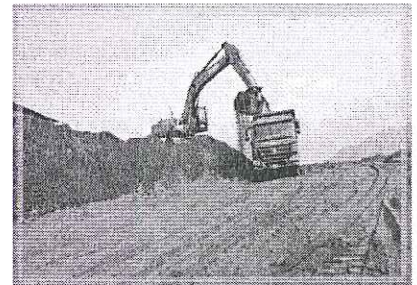
Dịch vụ kinh doanh vật tư sẫm lớp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Một số dự án của Công ty

<b>Thủy điện Canan 2</b> <i>Canan 2 Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH SCI Nghệ An <i>SCI Nghe An.Ltd</i>
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp III <i>Class III</i>
Công suất <i>Capacity</i>	16MW
Địa điểm xây dựng <i>Place</i>	Tỉnh Nghệ An <i>Nghe An Province</i>
Hợp đồng thi công <i>Contract</i>	Tổng thầu EPC <i>EPC Contractor</i>
Giá trị hợp đồng <i>Value</i>	481.695.964.381 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	9/2016 - 4/2018



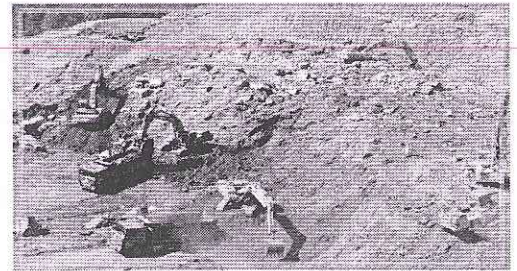
<b>Thủy điện Canan 1</b> <i>Canan 1 Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH SCI Nghệ An <i>SCI Nghe An.Ltd</i>
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp III <i>Class III</i>
Công suất <i>Capacity</i>	7MW
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Nghệ An <i>Nghe An Province</i>
Hợp đồng <i>Contract</i>	Tổng thầu EPC <i>EPC Contractor</i>
Giá trị <i>Value</i>	220.000.000.000 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	12/2017 - 03/2018



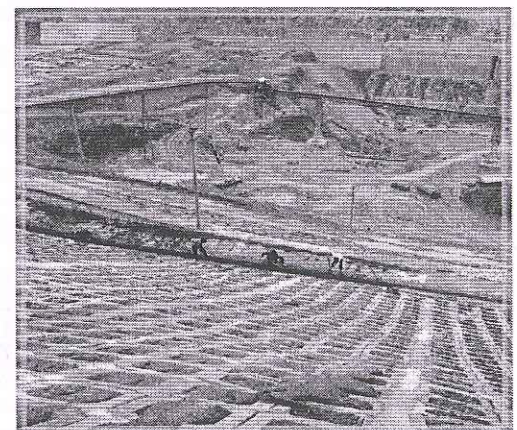
<b>Thủy điện Namtheun 1</b> <i>Namtheun 1 Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư: <i>Investor</i>	Tập đoàn Phonensack <i>Phonensack Group</i>



Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	650MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Nước Lào <i>Laos</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào đắp <i>Excavating, fill</i>	4.800.000 m <sup>3</sup>
	Gia cố mái: <i>Reinforced roof</i>	70.500 m <sup>2</sup>
Giá trị	410.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	Đang thực hiện <i>Ongoing</i>	



<b>Thủy điện Lai Châu</b> <i>Lai Chau Hydro Power Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn điện lực Việt Nam <i>Vietnam Electricity</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp đặc biệt <i>Special Class</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	1200MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Lai Châu <i>Lai Chau Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào đất đá: <i>Excavating</i>	3.100.000 m <sup>3</sup>
	Đắp đất đá: <i>Fill earth, stone</i>	280.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	246.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	2010-2013	



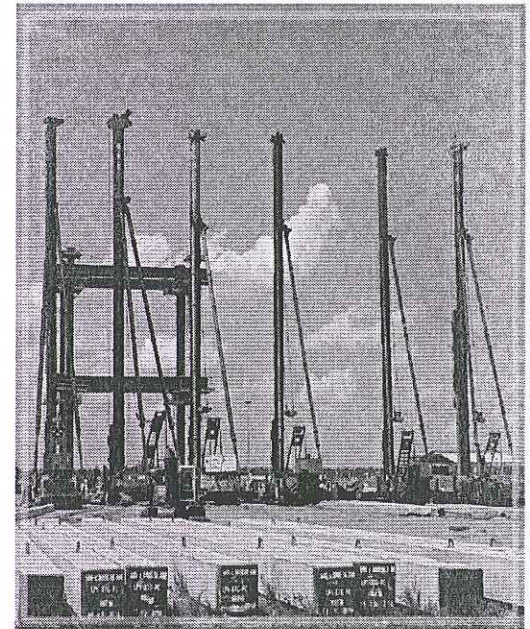
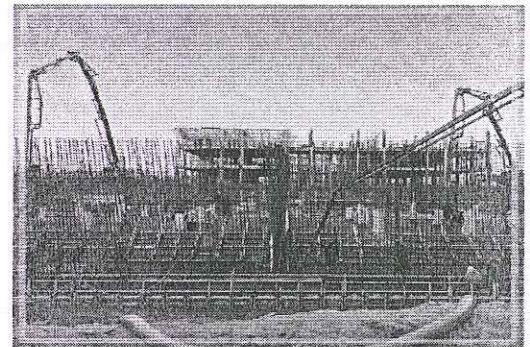
<b>Thủy điện Trung Sơn</b> <i>Trung Son Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn điện lực Việt Nam <i>Vietnam Electricity</i>



Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	260MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Thanh Hóa <i>Thanh Hóa Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào: <i>Excavating</i>	1.300.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	58.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	3/2013 - 2/2014	

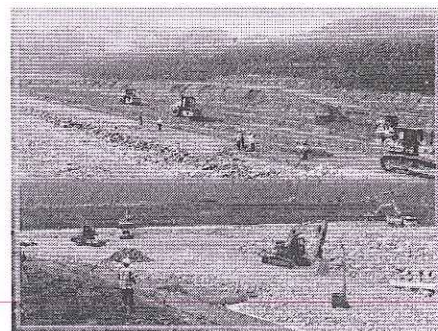


<b>Nhiệt điện Long Phú 1</b> <i>Long Phu 1 Thermal Power Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	1.200MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Cung cấp, đóng cọc BTCT dự ứng lực <i>Fabricating and driving prestressed piles</i>	500.000 md
	Thi công bê tông <i>Concrete work</i>	61.000 m <sup>3</sup>
	Đắp đất, cát <i>Fill earth, sand</i>	860.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	1.100.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	Đang thực hiện <i>Ongoing</i>	

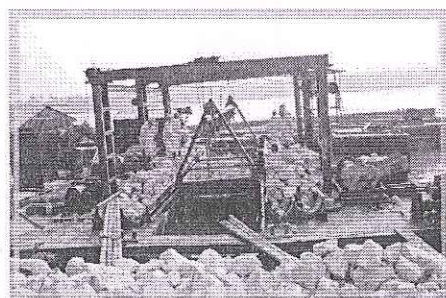


**Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo**  
*Project of mining and processing minerals at Nui Phao*

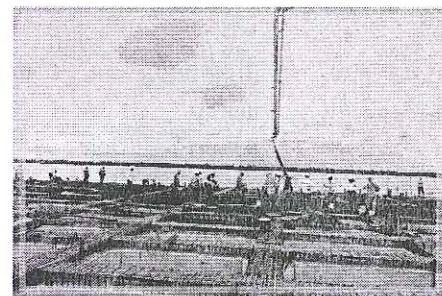
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	C.ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo	
Cấp công trình	Cấp đặc biệt <i>Class Special</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Thái Nguyên <i>Thai Nguyen Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đắp đập OTC, STC (Đắp đá) <i>Banking up OTC, STC dams (Fill Stone)</i>	1.600.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	140.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	9/2013 – 5/2015	



Gói thầu CV-A1m-NDTDP ĐA phát triển GTVT khu vực đồng bằng Bắc Bộ <i>CV-A1m-NDTDP Package / Northern Delta Transport Development Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Công trình giao thông đường thủy nội địa Cấp II	
Địa điểm <i>Place</i>	TP.Hà Nội <i>Hanoi</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Cung cấp, đóng cừ dự ứng lực SW500B <i>Fabricating and driving prestressed piles SW500B</i>	12.000md
Giá trị <i>Value</i>	74.600.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	6/2012 – 6/2014	



Gói thầu Cảng nhận thiết bị - Dự án Nhiệt điện Long Phú 1 <i>Construction of equipment wharf - Long Phu 1 Thermal Power Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam <i>Vietnam Oil And Gas Group</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Xây dựng cảng nhận thiết bị <i>Construction of equipment wharf</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Bê tông <i>Concrete</i>	2.800 m <sup>3</sup>
	Đóng cọc BTCT dự ứng lực D500 <i>Driving prestressed piles D500</i>	12.500 md
Giá trị / <i>Value</i>	55.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	01/2015 -02/2016	



Gói thầu CV-A2.2b-NDTDP ĐA phát triển GTVT khu vực đồng bằng Bắc Bộ <i>CV-A2.2b-NDTDP Package / Northern Delta Transport Development Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Công trình luồng cấp I <i>Class I</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Nam Định <i>Nam Dinh Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Xây dựng kè và đê chắn sóng cửa sông Ninh Cơ	
Khối lượng <i>Amount</i>	Haro đúc sẵn <i>Haro blocks</i>	5.000 block
Giá trị / <i>Value</i>	77.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	12/2013 -10/2015	





<b>Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1A – đoạn Phú Yên</b> <i>Upgrading and Expanding 1A highway project - section Phu Yen</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông Vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình	Cấp II <i>Class II</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Phú Yên <i>Phu Yen Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Thi công công trình trên tuyến <i>Constructing road and ancillary items</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Chiều dài <i>Long</i>	3300md
	Bê tông Asphalt <i>Asphalt</i>	59.600m <sup>2</sup>
Giá trị / <i>Value</i>	61.300.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	01/2014 – 08/2015	



<b>Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan</b> <i>Ho Chi Minh Road project - La Son – Tuy Loan section</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	
Cấp công trình	Cấp I <i>Class I</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Đà Nẵng <i>Da Nang Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Thi công công trình trên tuyến <i>Constructing road and ancillary items</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Chiều dài <i>Long</i>	1500md
	Giá trị / <i>Value</i>	41.000.000.000 VNĐ
Tiến độ/ <i>Progress</i>	2015 – 2016	



<b>Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận</b>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Ninh Thuận <i>Ninh Thuan Province</i>
Công việc <i>Works</i>	Tổng thầu EPC
Khối lượng <i>Amount</i>	50MW
Giá trị / <i>Value</i>	1.100.000.000.000 VNĐ
Tiến độ/ <i>Progress</i>	2018-2019

## 6. Định hướng phát triển

### 6.1. Chính sách chất lượng

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C (SCI E&C), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều SCI E&C muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

- i. Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt “An toàn - Chất lượng - Tiến độ” và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.
- ii. Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- iii. Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

### 6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm “Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu”, để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công

ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào các lĩnh vực khác như: kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, cung cấp sẫm lớp... góp phần nâng cao doanh thu cho công ty. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.
- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.
- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.
- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về Thủy điện.

### 6.3. Mục tiêu phát triển trong năm 2019

Năm 2019, theo xác định của Công ty là một năm quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và an toàn các công trình: công trình thủy điện Nậm Lùm 2, Thủy điện Nam Theun, Công trình thủy điện Canan 1, Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận, Công trình nhiệt điện Long Phú...
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ phục vụ thi công công trình thủy điện Canan 1; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công dự án Thủy điện Nậm Lùm 2. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp thị, mở rộng thị trường cho việc kinh doanh dịch vụ: cung cấp sẫm lớp và xi măng cho các Công ty, đơn vị đồng thời mở rộng ra cung cấp các sản phẩm bê tông dự ứng lực, bê tông đúc sẵn cho các dự án Toàn quốc.
- Tăng cường quản lý, ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào quản lý để nhằm nâng cao hiệu quả cũng như giảm chi phí trong việc quản lý xe máy, thiết bị thi công của công ty qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2018 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

## 7. Các rủi ro

### 7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI E&C. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

#### ❖ Rủi ro tăng trưởng

- Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh. Hơn thế, kinh tế khởi sắc cũng giúp cho ngành bất động sản ấm lên, tạo động lực cho các chủ đầu tư quay trở lại hoàn thiện tiếp dự án bị đình trệ và phát triển thêm những dự án mới khác.
- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP SCI E&C nói riêng.

#### ❖ Lạm phát

- Công ty Cổ phần SCI E&C là doanh nghiệp sản xuất nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2014-2018 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

#### ❖ Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2013 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2018 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 7-8 %/ năm.

Công ty Cổ phần SCI E&C có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### ❖ Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

## 7.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường, ... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

## 7.3. Rủi ro đặc thù

### ❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

### ❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

### ❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### 7.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

### I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dùng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2018 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

##### *Hoạt động thi công xây lắp:*

Công ty đã tham gia thực hiện thi công nhiều phần việc trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định, Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào, Thi công một phần hạng mục Công trình dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên, Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV và 220KV Trung tâm điện lực Long Phú, Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê, Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên, đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Dự án thủy điện Ca Nan, Nhiệt điện Long Phú, công trình giao thông Lào, trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận.

##### *Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:*

##### *Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % thực hiện năm 2018	
				so với kế hoạch năm 2018	so với thực hiện năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>6</sup> đ	1.186	103	114
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	1096	87	125
3	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	1079	87	130
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	26,2	105	136
5	Thu nhập bình quân người /tháng	10 <sup>3</sup> đ	11,6	104	113

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng vượt bậc so với năm 2017.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2018 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn có tăng trưởng đáng kể so với năm 2017.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Hội đồng quản trị

- |                        |                 |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Nguyễn Chính Đại | Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Nguyễn Công Hùng | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Phúc  | Thành viên HĐQT |
| - Ông Phan Thanh Hải   | Thành viên HĐQT |
| - Ông Triệu Quang Hà   | Thành viên HĐQT |

#### ❖ Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

- |                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| ✚ Ông Nguyễn Chính Đại               | Chủ tịch HĐQT  |
| - Giới tính:                         | Nam.   |
| - Ngày tháng năm sinh:               | 21/04/1978.  |
| - Nơi sinh:                          | Phú Xuyên, TP. Hà Nội.   |
| - Số CMTND:                          | 013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.                             |
| - Quốc tịch:                         | Việt Nam.  |
| - Dân tộc:                           | Kinh.  |
| - Quê quán:                          | Phú Xuyên, TP. Hà Nội.   |
| - Địa chỉ thường trú:                | 11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.                            |
| - Trình độ văn hóa:                  | 12/12.   |
| - Trình độ chuyên môn:               | Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.                                      |
| - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua: |  |
| + 2001 ÷ 2003:                       | Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;                      |
| + 2003 ÷ 2004:                       | Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;                  |
| + 2004 ÷ 2007:                       | Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông Đà 909;                       |
| + 2007 ÷ 2009:                       | Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông Đà 909; |





- Số cổ phần nắm giữ: 6.950.729 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 295.729 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 6.655.000 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**Ông Phan Thanh Hải** **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Quỳnh Châu - Nghệ An
- Số CMTND: 040084000004 ngày cấp: 30/10/2012 tại Cục CSQLHC&TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quỳnh Châu - Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: P.1909 Tòa K KĐT Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2007 ÷ 2008: Kỹ sư tại Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT.
  - + 2009 ÷ 2010: Kỹ sư Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT.
  - + 2010 ÷ 2011: P.TCKT Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2011 ÷ 2012: P.P.TCHC Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2012 ÷ 2014: Đội phó Đội XL số 1 Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2014 ÷ 2016: Trợ lý giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2016 ÷ 2017: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
  - + 2017 ÷ 2018: P.giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2018 ÷ nay: Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 37.840 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 37.840 cổ phần.

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ✦ **Ông Nguyễn Văn Phúc** **Thành viên HĐQT**
  - Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 01/01/1966.
  - Nơi sinh: Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Tây
  - Số CMTND: 001066004712 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/12/2017.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Tây
  - Địa chỉ thường trú: 2518 nhà R4, 72A Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12.
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế máy.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 1990 -:- 1993 Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà
    - + 1993 -:- 1994 Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà, đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly
    - + 1994 -:- 2001 Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3
    - + 2002 -:- 2005 Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 9
    - + 2006 -:- 2007 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty cổ phần Sông Đà 9
    - + 2007 -:- 2016 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9
    - + 2016 -:- 2019 Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
    - + 2019 -:- Đến nay Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.

- Số cổ phần nắm giữ: 11.000 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 11.000 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**Ông Triệu Quang Hà** **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1975
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú: 19 ngách 612/54 Đê La Thành, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Huấn luyện viên bóng đá
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ tháng 1993 - 2003: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thể công và Đội tuyển Quốc gia
  - + Từ tháng 2006 – 2008: Huấn luyện viên CLB bóng đá TNT
  - + Từ tháng 2010 - 2011: Huấn luyện viên Đội bóng đá U19 Quốc gia
  - + Từ tháng 2011 - 2012: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thanh Hóa.
  - + Từ 2013 đến nay: Giám đốc công ty cổ phần đào tạo và phát triển thể thao Quang Hà
  - + Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
  - + Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc công ty cổ phần đào tạo và phát triển thể thao Quang Hà
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

## 2.2 Ban kiểm soát

Ban này được chuyển đổi mô hình cơ cấu sang Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 27/04/2018.

## 2.3 Ban giám đốc

- Ông Phan Thanh Hải                      Giám đốc
- Ông Lê Văn Bảo                          Phó giám đốc
- Ông Hoàng Công Tuấn                  Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Hải                  Phó giám đốc

### ❖ Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc

✚ Ông Phan Thanh Hải                      Giám đốc (Như trên)

✚ Nguyễn Cao Hải                          Phó Giám đốc

- Giới tính:                                  Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1979
- Nơi sinh:                                  Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Số CMTND:                                151267376
- Quốc tịch:                                Việt Nam.
- Dân tộc:                                  Kinh.
- Quê quán:                                Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú:                    Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Trình độ văn hóa:                      12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường bộ.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 6/2002÷8/2004: Chuyên viên phòng Kỹ thuật tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 9/2004÷05/2009: Đội trưởng thi công tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 05/2009÷9/2009: Phó giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 9/2009÷5/2010: Giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 6/2010÷01/2012: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 03/2012÷11/2013: Phó phòng kỹ thuật công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 11/2013÷08/2015: Phó giám đốc ban điều hành MD2 công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 09/2015÷05/2016: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 05/2016 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C

- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu: 0 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

✦ **Ông Lê Văn Bảo** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.

- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1980.

- Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.

- Số CMTND: 111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Dân tộc: Kinh.

- Quê quán: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.

- Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.

- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ 03/2003 ÷ 12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang;

+ 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;

+ 2010 ÷ 17/04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;

+ Từ 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C

- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 12.500 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu: 12.500 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.



- ngày cấp: 15/06/2016
- nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hưng Thắng – Hưng Nguyên – Nghệ An .
- Địa chỉ thường trú: P.2306-CT4, The Pride, La Khê, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ 8/2009 ÷ 6/2010: Trợ lý KTV Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
  - + Từ 07/2010 ÷ 7/2015: KTV Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
  - + Từ 8/2015 đến 4/2016: Chuyên viên Ban KSNB Công ty CP FeCon
  - + Từ 05/2016 đến 11/2017: Phó phòng TCKT Công ty CP SCI E&C
  - + Từ 12/2017 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng phòng TCKT Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

## 2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động

### 1.1. CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG

#### 1.1.1 BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Chính Đại	1978	Chủ tịch	Kỹ sư xây dựng
2	Nguyễn Công Hùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Phan Thanh Hải	1984	Thành viên	Cử Nhân Kinh Tế
4	Nguyễn Văn Phúc	1966	Thành viên	Kỹ sư kinh tế máy
5	Triệu Quang Hà	1975	Thành viên	Cử nhân luật
<b>II</b>	<b>Ban Giám đốc</b>			
1	Phan Thanh Hải	1984	Giám đốc	Cử Nhân Kinh Tế
2	Hoàng Công Tuấn	1977	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng
3	Lê Văn Bảo	1980	Phó giám đốc	Thạc sỹ kỹ thuật
4	Nguyễn Cao Hải	1979	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng

#### 1.1.2. LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP

TT	Nghề nghiệp	Tổng số	Riêng nữ	Trong đó			
				Lãnh đạo		Nhân viên	
				Tổng số	Riêng nữ	Tổng số	Riêng nữ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>126</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>117</b>	<b>12</b>
<b>I</b>	<b>Trên đại học</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Đại học</b>	<b>97</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>91</b>	<b>7</b>
1	KS xây dựng	30	0	3	0	27	0
2	KS thủy lợi	20	0	2	0	18	0
3	KS cầu đường	14	0	0	0	14	0
4	KS trắc địa	6	0	0	0	6	0



5	KS địa chất, KS mỏ	2	0	1	0	1	0
6	Kỹ sư máy xây dựng	6	0	1	0	5	0
7	Kỹ sư cảng - đường thủy	5	0	0	0	5	0
8	CN Tài chính	8	5	0	0	8	5
9	Cử nhân kinh tế	6	2	1	0	7	2
<b>III</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>1</b>
<b>IV</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>19</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>4</b>

### 1.1.3. LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

TT	Nghề nghiệp	Số lượng	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>539</b>	
<b>I</b>	<b>Thợ vận hành máy</b>	<b>337</b>	
1	Lái ô tô	128	
2	Thợ vận hành máy xúc	57	
3	Thợ vận hành máy ủi	17	
4	Thợ vận hành máy lu	20	
5	Thợ vận hành máy san, rải	9	
6	Thợ vận hành trạm trộn	39	
7	Thợ vận hành cần cẩu	14	
8	Thợ vận hành máy khác	24	
9	Thợ vận hành tàu kéo, salan	4	
10	Thợ vận hành máy đóng cọc	4	
11	Thợ vận hành máy khoan	8	
12	Thợ vận hành trạm nghiền	13	

II	Thợ Cơ khí	62	
1	Thợ hàn	47	
2	Thợ điện	15	
III	Công nhân xây dựng	140	

#### ⚡ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

#### ⚡ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đề xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI E&C luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

#### ⚡ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

### 3. Tình hình tài chính

#### 3.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	942	747	26,10
Doanh thu thuần	1.014	874	16,02
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25,7	19,4	32,47
Lợi nhuận khác	0,58	-0,18	-422,22
Lợi nhuận trước thuế	26,3	19,2	36,98
Lợi nhuận sau thuế	21,0	15,3	37,25
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8% (Bằng CP)	10% (Bằng CP)	

### 3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1.02	1.02
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0.61	0.59
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.83	0.82
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3.46	3.85
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1.08	1.17
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.13	0.11
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.02	0.02
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		0.03	0.02

#### Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017. Khả năng thanh toán tăng do tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2018 tăng gấp hơn 1,2 lần hàng tồn kho năm 2017.

#### Cơ cấu vốn

Năm 2017 và năm 2018, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 80% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

#### Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2018 giảm so với năm 2017, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

#### Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2018 nhìn chung đều tăng so với năm 2017.

### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 4.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành:	10.999.995 cổ phần
- Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do:	10.999.995 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật:	0 cổ phần

#### 4.2 Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	329	10.986.575	109.865.750.000	99,88
	- Cá nhân	324	3.784.067	37.840.670.000	34,4
	- Tổ chức	5	7.202.508	72.025.080.000	65,48
2	Cổ đông ngoài nước	2	13.420	134.200.000	-
	- Cá nhân	2	13.420	134.200.000	0,12
	- Tổ chức	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>		<b>335</b>	<b>10.999.995</b>	<b>109.999.950.000</b>	<b>100</b>

4.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5 Các chứng khoán khác: Không có

## II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

- Công tác thu vốn, thu hồi công nợ được đơn vị đặc biệt chú trọng, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, đơn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc về kinh tế, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư tại các công trình;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý.
- Công tác quản lý vật tư cơ giới:
  - Cân đối, điều động xe máy giữa các công trường đảm bảo khai thác tối đa năng lực hiện có;
  - Tăng cường công tác bảo dưỡng, kiểm tu xe máy, thiết bị nắm vững tình trạng kỹ thuật của xe máy thiết bị, dự báo hư hỏng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời tránh xe máy hư hỏng nặng. Nâng cao trách nhiệm của Cán bộ quản lý cơ giới, công nhân vận hành trong việc đề xe máy hư hỏng do vận hành sai quy trình, quy phạm, bảo dưỡng và kiểm tu không đảm bảo kỹ thuật;
  - Đảm bảo vật tư cho phục vụ hoạt động SXKD của toàn Công ty.
- Công tác Tài chính kế toán:
  - Để thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó thực hiện các khoản vay tín dụng, bảo lãnh thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ cho SXKD và đầu tư của công ty;
  - Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;
  - Các báo cáo tháng, quý và quyết toán quý được quan tâm và duy trì thường xuyên đảm bảo phản ánh chính xác kết quả SXKD của Công ty;
  - Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;
  - Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.
- Công tác tiếp thị đấu thầu
  - Tập trung thực hiện và đẩy mạnh công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo;
  - Tìm kiếm các công việc làm tổng thầu hoặc là B phụ cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Sông Đà thi công các dự án thủy điện bên nước Lào;
  - Theo dõi, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu tiếp những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ; Nam bộ, các dự án về nhiệt điện, giao thông.
  - Tham gia cùng Công ty cổ phần SCI đấu thầu hoặc chào giá làm tổng thầu các dự án thủy điện trên cả nước đặc biệt các dự án khu vực Quảng Ngãi, Nghệ An...
  - Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu.../
  - Nghiêm túc rút kinh nghiệm từ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

#### Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2018	11,221,128,927	142,116,620,172	71,044,200,686	587,632,371	-	224,969,582,156
Mua sắm	-	30,563,762,103	3,261,187,272	88,200,000	136,000,000	34,049,149,375
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,922,727,272)	-	-	-	(1,922,727,272)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>11,221,128,927</b>	<b>170,757,655,003</b>	<b>74,305,387,958</b>	<b>675,832,371</b>	<b>136,000,000</b>	<b>257,096,004,259</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2018	6,798,165,240	44,692,669,217	26,273,437,799	387,969,385	-	78,152,241,641
Trích khấu hao	278,835,897	18,499,970,185	9,952,624,012	90,161,884	4,533,332	28,826,125,310
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,457,597,223)	-	-	-	(1,457,597,223)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7,077,001,137</b>	<b>61,735,042,179</b>	<b>36,226,061,811</b>	<b>478,131,269</b>	<b>4,533,332</b>	<b>105,520,769,728</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2018	4,422,963,687	97,423,950,955	44,770,762,887	199,662,986	-	146,817,340,515
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4,144,127,790</b>	<b>109,022,612,824</b>	<b>38,079,326,147</b>	<b>197,701,102</b>	<b>131,466,668</b>	<b>151,575,234,531</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 129.854.851.644 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.637.697.996 đồng.

#### Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

#### XE MÁY THIẾT BỊ CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ CHÍNH			
TT No.	Chủng loại Content	Số lượng Quantity	Chất lượng Quality
1.	Ô tô tự đổ / Tilting cars	56	Tốt / Good
2.	Máy xúc đào / Crawler Excavator	27	Tốt / Good
3.	Máy ủi / Bulldozer	11	Tốt / Good
4.	Máy lu / Roller	14	Tốt / Good
5.	Máy san / Motor Grader	04	Tốt / Good
6.	Máy rải / Self-propelled Spreader	02	Tốt / Good
7.	Trạm asphalt / Asphalt mixing plant	01	Tốt / Good
8.	Cầu bánh xích / Self-propelled crawler crane	06	Tốt / Good
9.	Xe tưới nước / Water truck	03	Tốt / Good

**BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ CHÍNH**

TT No.	Chủng loại Content	Số lượng Quantity	Chất lượng Quality
10.	Công trục / <i>Gantry Crane</i>	03	Tốt / <i>Good</i>
11.	Trạm trộn bê tông / <i>Mixing plant</i>	04	Tốt / <i>Good</i>
12.	Xúc lật / <i>Rubber-tired Excavator</i>	03	Tốt / <i>Good</i>
13.	Xe mix vận chuyển bê tông / <i>Mix truck</i>	10	Tốt / <i>Good</i>
14.	Cần trục ô tô / <i>Self-propelled wheel-mounted crane</i>	01	Tốt / <i>Good</i>
15.	Sơ-mi rơ-mooc / <i>Semi-trailer Truck</i>	02	Tốt / <i>Good</i>
16.	Máy đóng cọc / <i>Diesel Pile Driving</i>	02	Tốt / <i>Good</i>
17.	Máy khoan thủy lực / <i>Self-propelled</i>	05	Tốt / <i>Good</i>
18.	Trạm nghiền / <i>Stone crushers</i>	01	Tốt / <i>Good</i>
19.	Máy bơm bê tông	03	Tốt / <i>Good</i>

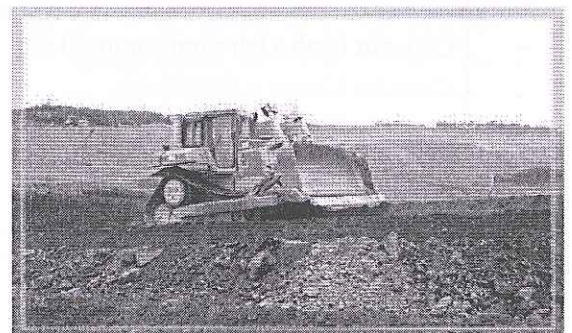
**Ô tô tự đổ / *Tilting cars***

Hyundai HD270 11-13 tons	15
Howo CNHTC >=10 tons	30
Man 10,5 tons	05
Cừu Long 05 tons	06
Sơ-mi Rơ-mooc	02

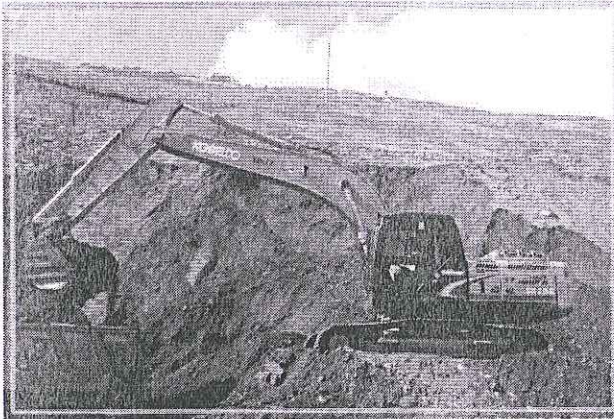


**Máy ủi / *Bulldozers***

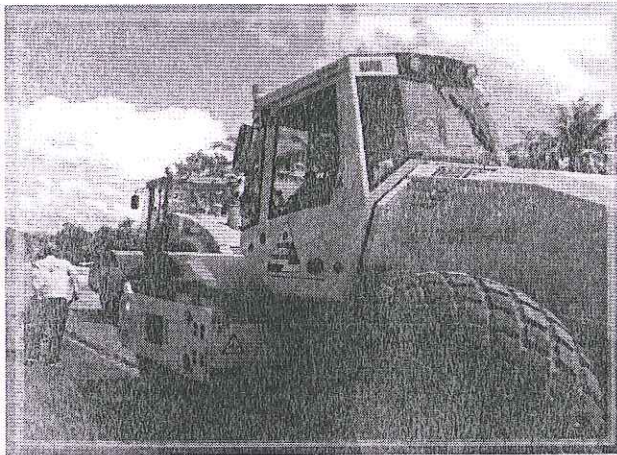
Catterpillar D6	04
Catterpillar D5	02
XCMG DT140B	02
Shantui SD16L	03



**Máy xúc đào / *Excavators***

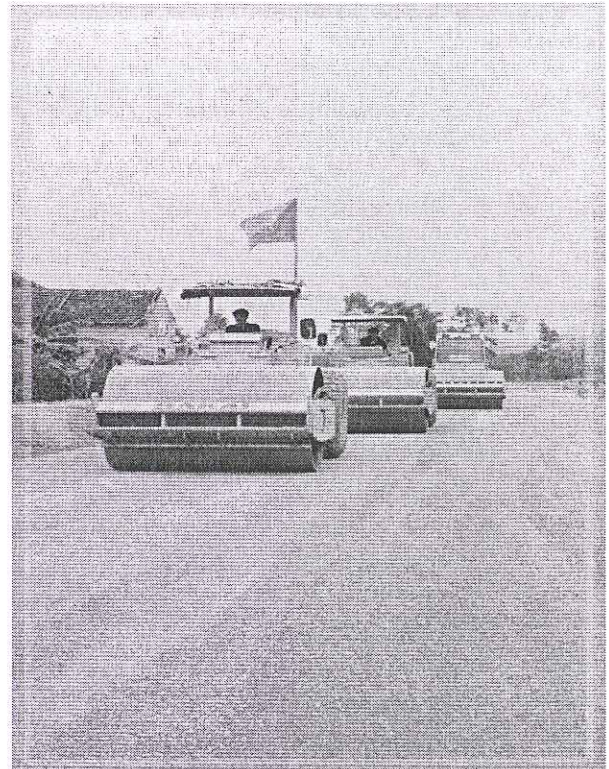


Kobelco SK330 – 1,6 m3	08
Kobelco SK250 – 1,2 m3	04
Kobelco SK460 - 1,9 m3	07
Kobelco SK480 - 2,1 m3	03
Komatsu <1 m3	02
Doosan S180W-V – 0,73m3	03



<b>Máy lu / Roller</b>	
Sakai SV620D 34 tons	05
XCMG XS142J 28 tons	04
Sakai SV520D 31 tons	02
Sakai R2 20,5 tons	01
Furukawa FR12 -12,6 tons	01
Bomag BW162A 13 tons	01

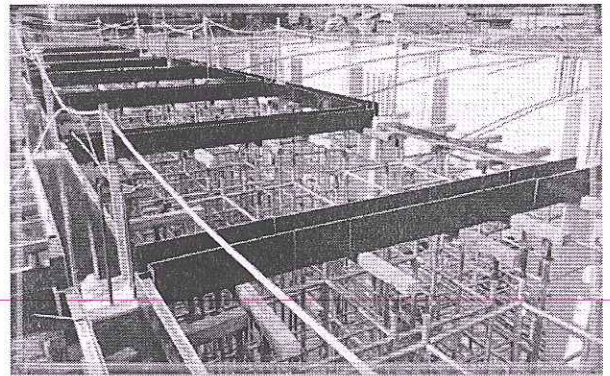
<b>Thiết bị thi công đường bộ Highway construction equipment</b>	
Máy san Mitsubishi MG150 <i>Motor Grader MG150</i>	04
Máy rải Demag DF135C <i>Self-propelled Spreader Demag DF135C</i>	02
Trạm trộn asphalt 700 tấn/h <i>Asphalt mixing plant 700 tons/h</i>	01
Cần cầu bánh xích Sumitomo 50 tấn <i>Crawler Crane – Sumitomo</i>	01
Xe tưới nước <i>Water truck</i>	03
Máy phun nhựa <i>Bitumen Sprayer</i>	02



<b>Thiết bị thi công bê tông</b>
----------------------------------



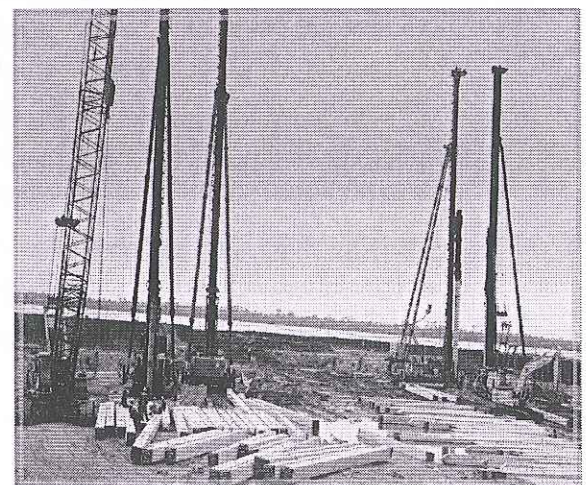
<b>Concrete construction equipment</b>	
Công trục 16 -20 tấn <i>Gantry Crane 16 -20 tons</i>	03
Trạm trộn bê tông 60 – 90 m3/h <i>Mixing plant 60 m3/h</i>	04
Xúc lật 2,2 m3 <i>Mechanical Shovel – 2.2 m3</i>	03
Xe mix vận chuyển bê tông 11m3 <i>Mix truck 11 m3</i>	10
Máy bơm bê tông 80 m3/h <i>Pumpcrete machine</i>	03
Cầu bánh xích 50-80 tấn <i>Crawler Crane 50-80 tons</i>	03
Ván khuôn các loại (m2)	4300



<b>Thiết bị thi công bê tông khác Other Concrete construction equipment</b>	
Máy hàn/ <i>Brazing machine</i>	35
Máy đầm/ <i>Needle vibrator</i>	52
Máy phát điện/ <i>Generator</i>	09
Máy cắt uốn/ <i>Bending machine</i>	28



<b>Thiết bị đóng cọc Pile Driving Equipment</b>	
Máy đóng cọc diesel <i>Diesel Pile Driving Hammer</i>	02
Cần trục tự hành 50 tấn <i>Crane 50 tons</i>	02
Máy phát điện 50KVA – 360KVA <i>Electric Generator 50KVA – 360KVA</i>	02
Máy đóng cọc diesel <i>Diesel Pile Driving Hammer</i>	02



**2.2 Tình hình nợ phải trả**

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
1	Vay và nợ ngắn hạn	743.118.117.342	570.013.231.227
2	Phải trả người bán	183.650.646.046	171.517.508.508
3	Người mua trả tiền trước	248.078.460.920	120.564.091.975
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	4.218.563.586	1.479.574.325
5	Phải trả người lao động	24.968.111.291	29.863.324.816
6	Chi phí phải trả	5.024.318.952	40.154.820.654
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26.568.339.390	6.974.572.152
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.608.293.241	1.153.292.477
<b>Nợ dài hạn</b>			
1	Vay và nợ dài hạn	41.807.842.399	40.074.953.627
<b>Tổng cộng</b>			

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

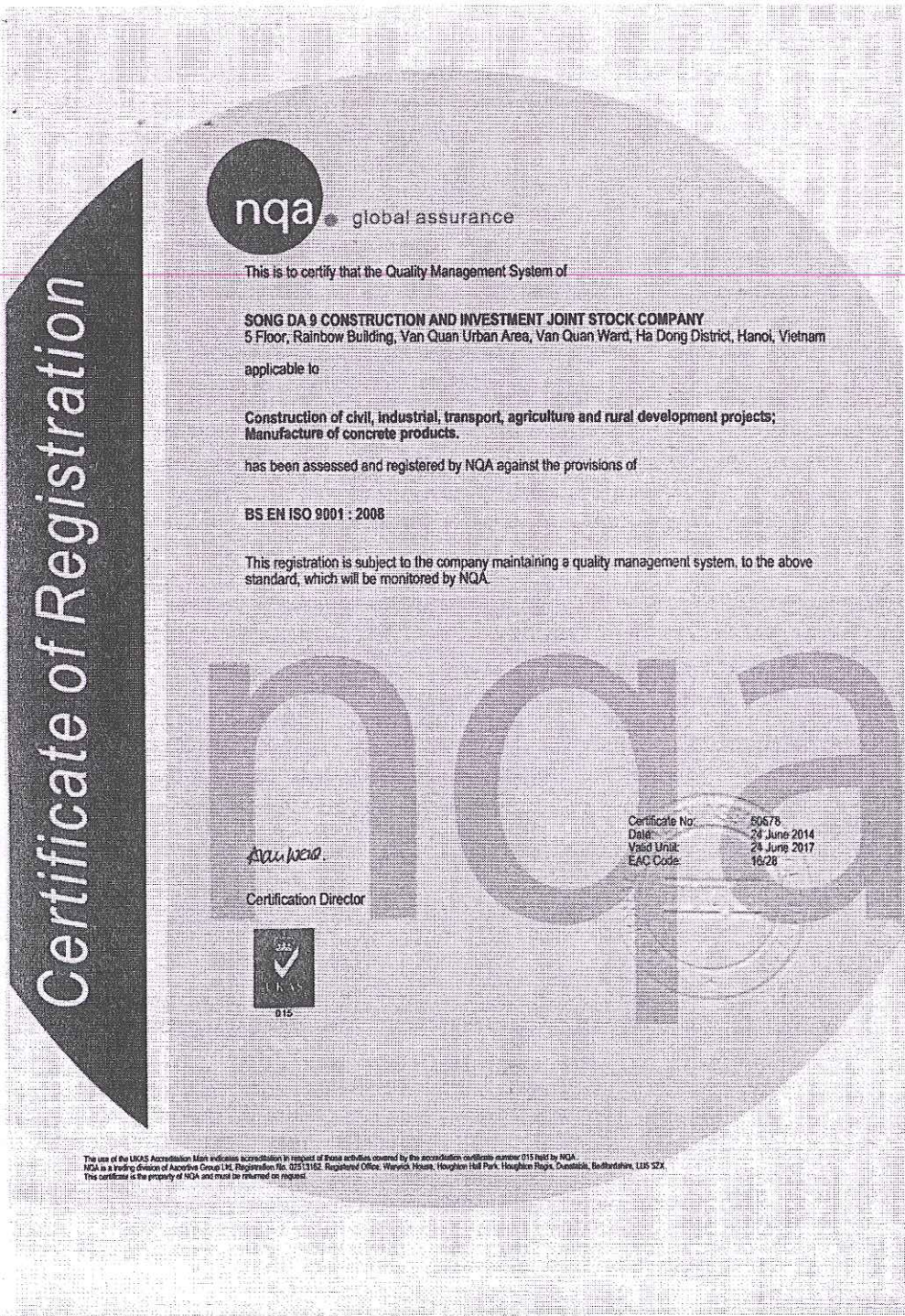
Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi, Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Công ty đã được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế NQA cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.



LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÂY LẬP			
Stt	Trách nhiệm	Hoạt động chính	Tham chiếu
1	Ban lãnh đạo CTy	Tiếp nhận thông tin Yêu cầu CĐT, Hs thầu	QT đấu thầu
2	Ban lãnh đạo	Xử lý	Dừng → QT đấu thầu
3	Các phòng chức năng	Làm Hồ sơ thầu/chi định thầu	
4	Ban lãnh đạo CTy	K.tra, Duyệt	Dừng → QT đấu thầu
5	Khách hàng, Tổ đàm phán hợp đồng	Thiết lập, thương thảo HĐ	
6	Khách hàng, GD (được uỷ quyền)	Ký HĐ	QT Ký và quản lý hợp đồng
7	Đội thi công Các phòng Cty	Thành lập Ban CHCT Giao nhiệm vụ cho Đội Lập Kế hoạch thi công	QT chuẩn bị thi công QT đánh giá lựa chọn NCC
8	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Triển khai Dự án Ng. thu, bàn giao từng phần Thanh toán	QT QL thiết bị thi công, thiết bị đo
9	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	QT triển khai thi công công trình
10	Khách hàng Đội thi công, Các phòng Cty và thầu phụ	Quyết toán Bảo hành	QT nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành công trình
11	Khách hàng Các phòng Cty	Tổng kết Dự án Lưu trữ Hồ sơ	QT kiểm soát hồ sơ

#### Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đầu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2019, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông 2019, xác định rõ:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả, an toàn và đúng tiến độ các công trình: Nhiệt điện Long Phú, Công trình thủy điện Ca Nan, Công trình Sotrans, Công trình thi cải tạo, mở rộng QL1 – đoạn Phú Yên và Công trình thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào.
- Hoàn thành công tác nghiệm thu, thu vốn của các công trình đã thi công xong: Công trình thủy điện Lại Châu, Công trình kè Nhật Tân, Công trình Đập tràn thủy điện Trung Sơn, Nhà máy xi măng Hạ Long,...
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ như thiết bị thi công trên sông, biển phục vụ thi công công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 1, chuẩn bị sẵn sàng cho thi công dự án Đường Hồ Chí Minh Giai đoạn II. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu thầu, tham gia các dự án lớn, trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải, tập đoàn EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,... làm chủ đầu tư

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2018 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

### III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

##### 1.1 Những việc đã làm được

###### Về định hướng chiến lược:

###### a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

###### b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

###### Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

###### a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành thái hời các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

###### b) Giám sát thực hiện:

- Sút nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

## 1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp.
  - Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự, đặc biệt là bộ máy gián tiếp, phục vụ tại cơ quan Công ty cũng như tại các đội xây lắp;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình:

Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, đặc biệt là công trình Nhà máy xi măng Hạ Long, thủy điện Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman ...

- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

#### **3.1 Định hướng**

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án do Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực, các Ban quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ xây dựng nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;
- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;
- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;
- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

#### **3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động**

Năm 2018, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

##### **3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình**

Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

##### **3.2.2 Công tác đầu tư**

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

##### **3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu**

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo;



### 1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty. Qua đó, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như: (1) xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) thực hiện việc thu cổ tức từ các đơn vị, vốn hoá và hoàn tất các vấn đề pháp lý của các dự án nên đã thu hồi được dòng tiền, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh; (3) thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại và các đơn vị trong hệ thống; (4) thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

### 1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số ký hiệu văn bản	Ngày phát hành	Loại	Trích yếu nội dung văn bản
1	01/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	19-03-18	Nghị quyết	Nghị quyết kỳ họp quý I năm 2018
2	02/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	05-03-18	Nghị quyết	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam chi nhánh Hà Tây
	01/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	05-03-18	Quyết định	
	01.1/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	04-03-18	Tờ trình	
3	03/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	05-03-18	Nghị quyết	Phê duyệt điều chỉnh DAĐT nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2017-GĐ2.2
	02/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	06-03-18	Quyết định	
	63.1/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	21-02-18	Tờ trình	
4	04/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	19-03-18	Nghị quyết	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHCĐ 2018
5	05/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	19-03-18	Nghị quyết	Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1
	03/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	20-03-18	Quyết định	

	94.2/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	17-03-18	Tờ trình	
6	06/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	23-03-18	Nghị quyết	Nghị quyết thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
7	07/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	23-03-18	Nghị quyết	Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2
	04/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	23-03-18	Quyết định	
	99.2/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	21-03-19	Tờ trình	
8	05/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	30-03-18	Quyết định	Ban hành sơ đồ chức năng Công ty, sơ đồ tổ chức Công ty
9	01/2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Tờ trình thông qua kết quả SXKD 2017, KH 2018
10	02/2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Thông quan BCTC 2017 đã kiểm toán; Phương án PPLN 2017; Thù lao HĐQT 2017 và dự toán 2018
11	03/2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ
12	04.2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
13	05/2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Thông qua mô hình cơ cấu tổ chức Công ty
14	06/2018/TTr- SCIEC-HĐQT	16-04-18	Tờ trình	Thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông
15	06/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	02/5/2018	Quyết định	Quyết định miễn nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Chính Đại
16	07/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	02/5/2018	Quyết định	Quyết định miễn nhiệm Phó Giám đốc đối với ông Phan Thanh Hải
17	08/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	02/5/2018	Quyết định	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc đối với ông Phan Thanh Hải
18	09/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	02/5/2018	Quyết định	Quyết định bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Chính Đại
19	09.1/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	02/5/2018	Quyết định	Quyết định phê duyệt sơ đồ cơ cấu tổ chức phòng, ban/dự án;
20	10/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	07-05-18	Nghị quyết	Giao quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng cho ông Phan Thanh Hải
	10/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	07-05-18	Quyết định	

21	11/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	11-05-18	Quyết định	Quyết định giao nhiệm vụ khởi tạo các hạng mục thi công dự án
22	8 /2018/NQ-SCIEC-HĐQT	11-04-18	Nghị quyết	Nghị quyết Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018
23	9 /2018/NQ-SCIEC-HĐQT	02-05-18	Nghị quyết	Nghị quyết về công tác cán bộ
24	11/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	23-05-18	Nghị quyết	Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-3
	12/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	26/5/2018	Quyết định	
	189.1/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	22-05-18	Tờ trình	
25	12/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	28-05-18	Nghị quyết	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
	13/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	28/5/2018	Quyết định	
	06.1/2018/TTr-SCIEC-HĐQT	25-05-18	Tờ trình	
26	13/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	30-05-18	Nghị quyết	Bổ nhiệm PGĐ Công ty ông Lê Văn Bảo
	14/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	30-05-18	Quyết định	
27	14/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	31-05-18	Nghị quyết	Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4
	18/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	01/6/2018	Quyết định	
	194.1/2018/TTr-SCIEC-PTKD	26-05-18	Tờ trình	
28	15/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	01/6/2018	Quyết định	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty
29	16/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	01/6/2018	Quyết định	Quyết định thành lập Ban kiểm toán nội bộ
30	17/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	01/6/2018	Quyết định	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm toán nội bộ
31	15/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	13/06/2018	Nghị quyết	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017
	19/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	13/06/2018	Quyết định	

32	16/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	16/07/2018	Nghị quyết	Kỳ họp Quý III năm 2018
33	20/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	08-08-18	Quyết định	Giao nhiệm vụ khởi tạo Dự án trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận
34	17/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	20/08/2018	Nghị quyết	Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4
	21/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	20/08/2018	Quyết định	
35	17.1.1 /2018/NQ-SCIEC-HĐQT	08-09-18	Nghị quyết	Phê duyệt nội dung HĐ thực hiện Gói thầu "Thiết kế, cung cấp, lắp đặt TBCN và thi công XDCT" - DA ĐMT Gelex Ninh Thuận
	22.1/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	08-09-18	Quyết định	
	331.1/2018/TTr-SCIEC-KTHĐ	31-08-18	Tờ trình	
36	22/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	20-08-18	Quyết định	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
37	17.1/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	20-10-18	Nghị quyết	Kỳ họp Quý IV năm 2018
38	23/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	01/11/2018	Quyết định	Bổ nhiệm trợ lý chủ tịch HĐQT ông Vũ Hùng
39	18/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	05/11/2018	Nghị quyết	Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4(điều chỉnh)
40	19/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	14/11/2018	Nghị quyết	Miễn nhiệm TV HĐQT ông Hoàng Công Tuấn và bổ nhiệm TV HĐQT ông Phan Thanh Hải
		25-10-18		Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT ông Hoàng Công Tuấn
41	20 /2018/NQ-SCIEC-HĐQT	06-12-18	Nghị quyết	Bầu lại các chức danh trong HĐQT ông Nguyễn Chính Đại giữ chức vụ CT HĐQT
42	21/2018/NQ-SCIEC-HĐQT	10-12-18	Nghị quyết	Miễn nhiệm TV HĐQT ông Lương Thanh Tùng và bổ nhiệm TV HĐQT ông Nguyễn Văn Phúc
		09-12-18		Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT ông Lương Thanh Tùng
43	24/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	06/11/2018	Quyết định	Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4(điều chỉnh)
44	25/2018/QĐ-SCIEC-HĐQT	28-11-18	Quyết định	Giao nhiệm vụ cho ông Vũ Hùng - Trợ lý CT HĐQT

**V. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

- Ông Nguyễn Chính Đại	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/12/2018
- Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 14/11/2018
- Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 10/12/2018
- Ông Triệu Quang Hà	Thành viên độc lập	Bỏ nhiệm ngày 06/12/2018

**Ban Giám đốc**

- Ông Phan Thanh Hải	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 02/05/2018
- Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/05/2018
- Ông Lê Văn Bảo	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/06/2018
- Ông Hoàng Công Tuấn	Phó Giám đốc	
- Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	

- Ông Phan Thanh Hải                      Phó Giám đốc                      Miễn nhiệm ngày 02/05/2018

**Ban Kiểm toán nội bộ**

- Ông Nguyễn Chính Đại                      Trưởng ban                      Thành lập và bổ nhiệm ngày 01/06/2018
- Ông Nguyễn Chính Đại                      Trưởng ban                      Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Trần Kim Sơn                      Trưởng ban                      Bổ nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Nguyễn Văn Hùng                      Thành viên
- Ông Hoàng Văn Thiệp                      Thành viên                      Miễn nhiệm ngày 06/12/2018
- Ông Đồng Quang Dũng                      Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Thắng                      Thành viên                      Miễn nhiệm ngày 06/12/2018

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh ; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

(Đã ký)

---

**Phan Thanh Hải**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Số: 323/BCKT/TC/NV8

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”, được lập ngày 22 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được

áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam**

*(đã ký)*

*(đã ký)*

---

**Nguyễn Bảo Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0373-2018-126-1

---

**Mai Quang Hiệp**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1320-2018-126-1

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>754,750,907,176</b>	<b>578,606,245,017</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>66,177,086,019</b>	<b>32,166,855,093</b>
1. Tiền	111		56,177,086,019	32,166,855,093
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>250,000,000</b>	<b>250,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250,000,000	250,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>370,025,584,755</b>	<b>297,188,763,503</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	292,237,446,195	244,383,278,364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	67,873,989,763	46,845,642,188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	17,405,270,320	11,516,309,971
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,491,121,523)	(5,556,467,020)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>301,610,169,502</b>	<b>242,139,840,732</b>
1. Hàng tồn kho	141		301,610,169,502	242,139,840,732
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,688,066,900</b>	<b>6,860,785,689</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	44,312,933	1,177,610,418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,597,197,914	5,587,038,892
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	46,556,053	96,136,379
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>187,287,031,885</b>	<b>168,504,656,638</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>147,500,000</b>	<b>147,500,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	147,500,000	147,500,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>151,657,734,527</b>	<b>146,817,340,515</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	151,575,234,531	146,817,340,515
- Nguyên giá	222		257,096,004,259	224,969,582,156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105,520,769,728)	(78,152,241,641)
2. Tài sản cố định vô hình	227		82,499,996	-
- Nguyên giá	228		110,000,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27,500,004)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>11,886,054,547</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11,886,054,547	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>22,520,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		22,520,000,000	20,000,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,075,742,811</b>	<b>1,539,816,123</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1,075,742,811	1,539,816,123
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>942,037,939,061</b>	<b>747,110,901,655</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>784,925,959,741</b>	<b>610,088,184,854</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>743,118,117,342</b>	<b>570,013,231,227</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	183,650,646,046	171,517,508,508
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	248,078,460,920	120,564,091,975
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4,218,563,586	1,479,574,325
314	3. Phải trả người lao động		24,968,111,291	29,863,324,816
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	5,024,318,952	40,154,820,654
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	26,568,339,390	6,974,572,152
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	249,001,383,916	198,306,046,320
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,608,293,241	1,153,292,477
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>41,807,842,399</b>	<b>40,074,953,627</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	41,807,842,399	40,074,953,627
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>157,111,979,320</b>	<b>137,022,716,801</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>157,111,979,320</b>	<b>137,022,716,801</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		109,999,950,000	100,000,000,000
<i>411a</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>109,999,950,000</i>	<i>100,000,000,000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9,560,557,541	7,304,985,925
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37,551,471,779	29,717,730,876
<i>421a</i>	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>16,560,723,496</i>	<i>14,380,586,772</i>
<i>421b</i>	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>20,990,748,283</i>	<i>15,337,144,104</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b><u>942,037,939,061</u></b>	<b><u>747,110,901,655</u></b>

Quách Thị Thanh Thủy

Người lập

Phan Dương Mạnh

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2018**
**Mẫu số: B02-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1,014,329,890,716	873,864,639,672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,014,329,890,716	873,864,639,672
4. Giá vốn hàng bán	11	23	941,017,047,538	804,117,863,627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		73,312,843,178	69,746,776,045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4,469,529,593	2,584,927,869
7. Chi phí tài chính	22	25	23,288,585,124	22,977,665,591
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23,118,893,339	22,904,498,956
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	28,789,927,315	29,956,386,675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		25,703,860,332	19,397,651,648
11. Thu nhập khác	31	27	808,753,930	137,747,903
12. Chi phí khác	32	28	224,259,342	320,270,390
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		584,494,588	(182,522,487)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26,288,354,920	19,215,129,161
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	5,297,606,637	3,877,985,057
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20,990,748,283	15,337,144,104
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2,009	1,534

**Quách Thị Thanh Thủy**

Người lập

**Phan Dương Mạnh**

Kế toán trưởng

**Phan Thanh Hải**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2018**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Đơn vị tính: VNĐ*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26,288,354,920	19,215,129,161
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28,853,625,314	22,142,288,761
03	- Các khoản dự phòng		1,934,654,503	(139,297,128)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(18,035,433)	(1,309,624)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,680,286,514)	(2,464,653,874)
06	- Chi phí lãi vay		23,118,893,339	22,904,498,956
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		76,497,206,129	61,656,656,252
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(85,637,073,227)	(122,307,593,980)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(59,470,328,770)	(66,881,201,568)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		119,035,443,103	157,525,747,712
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1,597,370,797	5,378,882,540
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23,141,230,962)	(22,897,854,833)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,587,785,057)	(2,650,000,000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(196,200,000)	(589,400,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		26,097,402,013	9,235,236,123
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(46,045,203,922)	(30,574,416,342)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		498,907,500	240,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2,520,000,000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,551,527,839	2,492,730,682
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(44,514,768,583)	(27,841,685,660)
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		905,718,835,627	694,993,721,437
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(853,290,609,259)	(698,623,282,670)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5,000,000,000)

40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52,428,226,368	(8,629,561,233)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		34,010,859,798	(27,236,010,770)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32,166,855,093	59,401,556,239
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(628,872)	1,309,624
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>66,177,086,019</u>	<u>32,166,855,093</u>

Quách Thị Thanh Thủy

Người lập

Phan Dương Mạnh

Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 25/05/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 109.999.950.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 109.999.950.000 đồng; tương đương 10.999.995 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;

- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng – Việt Nam	Xây lắp

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



## **Các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 05 năm

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **Doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.883.108.954	1.089.170.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.293.977.065	31.077.684.915
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	<b>66.177.086.019</b>	<b>32.166.855.093</b>

Tại 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,9%/năm.

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>22.520.000.000</b>	<b>22.520.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Trái phiếu (*)	22.520.000.000	22.520.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	<b>22.770.000.000</b>	<b>22.770.000.000</b>	<b>20.250.000.000</b>	<b>20.250.000.000</b>

(\*) Bao gồm:

- Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HDQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB.
- Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), số lượng 252 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025.

## 7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	49.904.463.390	26.448.963.216
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.639.368.483	11.463.713.231
Công ty TNHH SCI Nghệ An	14.980.841.084	22.395.438.560
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	67.107.390.015	125.928.923.363
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	1.819.890.145	16.013.291.948
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	121.039.547.059	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	30.745.946.019	42.132.948.046
	<b>292.237.446.195</b>	<b>244.383.278.364</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>	<b>64.885.304.474</b>	<b>48.844.401.776</b>

## 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH GUANGZHOU YAOHUANG	-	-	2.093.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	4.887.337.816	-	6.664.839.248	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	2.470.599.999	-	8.379.148.864	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5.726.516.118	-	15.201.732.497	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	13.565.200.000	-	-	-
Công ty CP TS INVEST	7.963.717.340	-	-	-
Công ty CP ATZ ASIA	6.362.289.666	-	434.507.200	-
GCL SYSTEM INTEGRATION TECHNOLOGY PTE.LTD	13.162.958.447	-	-	-
VOITH HYDRO PRIVATE LIMITED	2.063.910.703	-	-	-
Trả trước khác	11.671.459.674	-	14.072.414.379	-
	<b>67.873.989.763</b>	<b>-</b>	<b>46.845.642.188</b>	<b>-</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.124.292.335	-	1.029.311.111	-
Phải thu người lao động	1.754.602.644	-	1.154.106.227	-
Tạm ứng	7.698.007.370	-	4.416.736.716	-
Ký cược, ký quỹ	3.500.000	-	3.500.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	3.345.213.800	-	2.607.389.570	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu khác	2.181.504.171	(383.541.210)	1.007.116.347	(383.541.210)
	<b>17.405.270.320</b>	<b>(383.541.210)</b>	<b>11.516.309.971</b>	<b>(383.541.210)</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	147.500.000	-	147.500.000	-
	<b>147.500.000</b>	<b>-</b>	<b>147.500.000</b>	<b>-</b>

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu				
- Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam	6.248.083.094	1.874.424.928	6.248.083.094	3.124.041.547
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.027.556.827	3.425.189.422	1.712.594.711
- Các khoản khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	<b>10.393.103.278</b>	<b>2.901.981.755</b>	<b>10.393.103.278</b>	<b>4.836.636.258</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.989.780.454	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	49.568.035.260	-	21.543.174.153	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.052.353.788	-	220.596.666.579	-
	<b>301.610.169.502</b>	<b>-</b>	<b>242.139.840.732</b>	<b>-</b>

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2018	11.221.128.927	142.116.620.172	71.044.200.686	587.632.371	-	224.969.582.156
Mua sắm	-	30.563.762.103	3.261.187.272	88.200.000	136.000.000	34.049.149.375
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.922.727.272)	-	-	-	(1.922.727.272)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>11.221.128.927</b>	<b>170.757.655.003</b>	<b>74.305.387.958</b>	<b>675.832.371</b>	<b>136.000.000</b>	<b>257.096.004.259</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2018	6.798.165.240	44.692.669.217	26.273.437.799	387.969.385	-	78.152.241.641
Trích khấu hao	278.835.897	18.499.970.185	9.952.624.012	90.161.884	4.533.332	28.826.125.310
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.457.597.223)	-	-	-	(1.457.597.223)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7.077.001.137</b>	<b>61.735.042.179</b>	<b>36.226.061.811</b>	<b>478.131.269</b>	<b>4.533.332</b>	<b>105.520.769.728</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2018	4.422.963.687	97.423.950.955	44.770.762.887	199.662.986	-	146.817.340.515
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.144.127.790</b>	<b>109.022.612.824</b>	<b>38.079.326.147</b>	<b>197.701.102</b>	<b>131.466.668</b>	<b>151.575.234.531</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 129.854.851.644 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.637.697.996 đồng.

## 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.865.278	792.255.376
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.447.655	385.355.042
	<b>44.312.933</b>	<b>1.177.610.418</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	848.674.088	1.223.887.093
Chi phí sửa chữa văn phòng	28.953.305	139.307.072
Chi phí nhà xưởng đúc cọc Long Phú	-	176.621.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	198.115.418	-
	<b>1.075.742.811</b>	<b>1.539.816.123</b>

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP SCI	16.150.533.357	16.150.533.357	13.024.751.085	13.024.751.085
Công ty CP DVC Việt Nam	9.632.822.297	9.632.822.297	12.605.286.378	12.605.286.378
Công ty TNHH DONARCO	98.442.300	98.442.300	16.058.148.425	16.058.148.425
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	7.625.390.000	7.625.390.000	17.810.692.800	17.810.692.800
Công ty TNHH Phát triển CN Tân Hoàng Mai	5.423.949.334	5.423.949.334	11.095.369.161	11.095.369.161
VOITH HYDRO PRIVATE CO Ltd	10.704.816.303	10.704.816.303	11.512.148.442	11.512.148.442



Công ty TNHH PETRO Lào	-	-	14.159.040.009	14.159.040.009
FUJIAN ANTAI NEW ENERGY TECH CO.,LTD	4.625.880.401	4.625.880.401	-	-
FURUKAWA ROCK DRILL CO.,LTD	10.213.681.600	10.213.681.600	-	-
GCL SYSTEM INTEGRATION TECHNOLOGY PTE.LTD	29.330.130.544	29.330.130.544	-	-
Công ty TNHH XD Sơn Hải	8.955.390.373	8.955.390.373	-	-
Các khoản phải trả khác	80.889.609.537	80.889.609.537	75.252.072.208	75.252.072.208
	<b>183.650.646.046</b>	<b>183.650.646.046</b>	<b>171.517.508.508</b>	<b>171.517.508.508</b>

d) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<b>16.569.633.569</b>	<b>16.569.633.569</b>	<b>13.616.924.599</b>	<b>13.616.924.599</b>
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	17.806.239.748	54.398.244.034
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	51.491.395.261
Công ty CP SCI Lai Châu	-	12.500.000.000
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX (CĐT Ninh Thuận)	219.300.578.059	-
BQL DA điện lực dầu khí Long Phú 1	6.182.280.540	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	4.651.862.573	-
Khách hàng khác	137.500.000	2.174.452.680
	<b>248.078.460.920</b>	<b>120.564.091.975</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan

	-	<b>63.991.395.261</b>
--	---	-----------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.120.846	-	99.265.355.127	99.258.234.281	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	168.409.225	168.409.225	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.175.121.336	5.297.606.637	2.587.785.057	-	3.884.942.916
Thuế Thu nhập cá nhân	-	259.657.939	1.411.556.155	1.382.388.474	-	288.825.620
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	89.015.533	-	42.459.480	-	46.556.053	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	39.604.543
	<b>96.136.379</b>	<b>1.479.574.325</b>	<b>106.185.386.624</b>	<b>103.396.817.037</b>	<b>46.556.053</b>	<b>4.218.563.586</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	356.813.833	248.318.122
Trích trước chi phí các công trình	4.667.505.119	39.906.502.532
	<b>5.024.318.952</b>	<b>40.154.820.654</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	534.733.222	432.816.249
Bảo hiểm xã hội	-	3.461.470
Bảo hiểm thất nghiệp	177.052	-
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19.101.650.971	4.306.819.108
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	338.671.454	1.280.598.517
Phải trả lãi vay	-	130.833.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.593.106.691	820.043.474
	<b>26.568.339.390</b>	<b>6.974.572.152</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	182.297.878.260	182.297.878.260	873.939.898.098	830.207.069.834	226.030.706.524	226.030.706.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	144.041.428.661	144.041.428.661	813.572.099.910	761.221.463.986	196.392.064.585	196.392.064.585
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh <sup>(2)</sup>	24.256.449.599	24.256.449.599	32.867.798.188	48.485.605.848	8.638.641.939	8.638.641.939
- Công ty CP DVC Việt Nam <sup>(3)</sup>	14.000.000.000	14.000.000.000	7.000.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	20.500.000.000	20.500.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.008.168.060	16.008.168.060	30.046.048.757	23.083.539.425	22.970.677.392	22.970.677.392
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	3.360.250.000	3.360.250.000	4.947.717.500	3.938.593.500	4.369.374.000	4.369.374.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	12.647.918.060	12.647.918.060	23.748.331.257	18.694.945.925	17.701.303.392	17.701.303.392
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	-	1.350.000.000	450.000.000	900.000.000	900.000.000
	<b>198.306.046.320</b>	<b>198.306.046.320</b>	<b>903.985.946.855</b>	<b>853.290.609.259</b>	<b>249.001.383.916</b>	<b>249.001.383.916</b>

b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(4)</sup>	32.236.985.940	32.236.985.940	21.559.736.229	23.748.331.257	30.048.390.912	30.048.390.912
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh <sup>(5)</sup>	7.837.967.687	7.837.967.687	5.783.435.000	4.947.717.500	8.673.685.187	8.673.685.187
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội <sup>(6)</sup>	-	-	4.435.766.300	1.350.000.000	3.085.766.300	3.085.766.300
	<u>40.074.953.627</u>	<u>40.074.953.627</u>	<u>31.778.937.529</u>	<u>30.046.048.757</u>	<u>41.807.842.399</u>	<u>41.807.842.399</u>

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2017</b>				
Tại ngày 01/01/2017	100.000.000.000	6.750.741.041	20.530.428.928	127.281.169.969
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	15.337.144.104	15.337.144.104
Chia cổ tức năm trước	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	554.244.884	(849.842.156)	(295.597.272)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<u>100.000.000.000</u>	<u>7.304.985.925</u>	<u>29.717.730.876</u>	<u>137.022.716.801</u>
<b>Năm 2018</b>				
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	20.990.748.283	20.990.748.283
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.950.000	-	(9.999.950.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	2.255.571.616	(2.857.057.380)	(601.485.764)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<u>109.999.950.000</u>	<u>9.560.557.541</u>	<u>37.551.471.779</u>	<u>157.111.979.320</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-SCIEC-DHDCD ngày 27/4/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	15.037.144.104
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	2.255.571.616
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,00%	601.485.764
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ)	66,50%	9.999.950.000
Lợi nhuận chưa phân phối	14,50%	2.180.136.724

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2018 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2018 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	60,50%	66.550.000.000	60,50%	60.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,50%	43.449.950.000	39,50%	39.500.000.000
	<u>100%</u>	<u>109.999.950.000</u>	<u>100%</u>	<u>100.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	109.999.950.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>9.999.950.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>109.999.950.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.999.950.000	5.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>9.999.950.000</i>	<i>5.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.999.995	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.999.995	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.999.995</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.999.995	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.999.995</i>	<i>10.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	7.304.985.925
	<b>9.560.557.541</b>	<b>7.304.985.925</b>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
Đồng đô la Mỹ (USD)	404,91	440,46

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.429.988.570	28.117.343.483
Doanh thu hợp đồng xây dựng	968.899.902.146	845.747.296.189
	<b>1.014.329.890.716</b>	<b>873.864.639.672</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>378.869.003.198</b>	<b>448.768.860.104</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>		

### 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	44.771.902.788	26.270.370.539
Giá vốn hợp đồng xây dựng	896.245.144.750	777.868.530.620
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(21.037.532)
	<b>941.017.047.538</b>	<b>804.117.863.627</b>

### 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.646.509.063	2.460.375.126
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	804.985.097	123.243.119
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.035.433	1.309.624
	<b>4.469.529.593</b>	<b>2.584.927.869</b>

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.118.893.339	22.904.498.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	169.041.785	73.166.635
Chi phí tài chính khác	650.000	-
	<b>23.288.585.124</b>	<b>22.977.665.591</b>

### 26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.872.494.547	3.627.148.340
Chi phí nhân công	14.270.713.991	13.483.942.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.210.909	1.044.112.599
Thuế, phí, lệ phí	2.195.770.750	927.094.942
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.934.654.503	(118.259.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.855.482.752	6.412.620.855
Chi phí khác bằng tiền	2.837.599.863	4.579.726.736
	<b>28.789.927.315</b>	<b>29.956.386.675</b>

## 27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	33.777.451	4.278.748
Tiền bồi thường thu được	772.815.679	-
Thu nhập khác	2.160.800	133.469.155
	<b>808.753.930</b>	<b>137.747.903</b>

## 28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	221.789.801	64.431.345
Chi phí khác	2.469.541	255.839.045
	<b>224.259.342</b>	<b>320.270.390</b>

## 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.288.354.920	19.215.129.161
Các khoản điều chỉnh tăng	199.678.265	174.796.122
- Chi phí không hợp lệ	199.678.265	174.796.122
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	26.488.033.185	19.389.925.283
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.297.606.637</b>	<b>3.877.985.057</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.175.121.336	(52.863.721)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.587.785.057)	(2.650.000.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3.884.942.916</b>	<b>1.175.121.336</b>

## 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	20.990.748.283	15.337.144.104
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.990.748.283	15.337.144.104
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.450.547	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.009</b>	<b>1.534</b>

### 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	536.819.533.268	352.117.677.618
Chi phí nhân công	171.211.523.850	90.788.048.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.826.125.310	22.142.288.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.139.592.302	253.856.455.177
Chi phí khác bằng tiền	57.265.887.332	185.085.103.589
	<b>996.262.662.062</b>	<b>903.989.573.826</b>

### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	32.166.855.093	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	309.790.216.515	(7.491.121.523)	256.047.088.335	(5.556.467.020)
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	22.520.000.000	-	20.000.000.000	-
	<b>398.737.302.534</b>	<b>(7.491.121.523)</b>	<b>308.463.943.428</b>	<b>(5.556.467.020)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			290.809.226.315	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác			210.218.985.436	178.492.080.660
Chi phí phải trả			5.024.318.952	40.154.820.654
			<b>506.052.530.703</b>	<b>457.027.901.261</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	-	66.177.086.019
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.151.594.992	147.500.000	-	302.299.094.992
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	22.520.000.000	-	22.520.000.000
	<b>368.578.681.011</b>	<b>22.667.500.000</b>	<b>-</b>	<b>391.246.181.011</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.166.855.093	-	-	32.166.855.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	250.343.121.315	147.500.000	-	250.490.621.315
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	<b>282.759.976.408</b>	<b>20.147.500.000</b>	<b>-</b>	<b>302.907.476.408</b>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	249.001.383.916	41.807.842.399	-	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	210.218.985.436	-	-	210.218.985.436
Chi phí phải trả	5.024.318.952	-	-	5.024.318.952
	<b>464.244.688.304</b>	<b>41.807.842.399</b>	<b>-</b>	<b>506.052.530.703</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	198.306.046.320	40.074.953.627	-	238.380.999.947
Phải trả người bán, phải trả khác	178.492.080.660	-	-	178.492.080.660
Chi phí phải trả	40.154.820.654	-	-	40.154.820.654
	<b>416.952.947.634</b>	<b>40.074.953.627</b>	<b>-</b>	<b>457.027.901.261</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.341.393.615	163.988.497.101	1.014.329.890.716
Tài sản bộ phận	806.460.577.183	135.577.361.878	942.037.939.061
Tổng chi phí mua TSCĐ	46.045.203.922	-	46.045.203.922

### 35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	145.412.960.328	132.324.501.131
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	233.456.042.870	316.444.358.973
Công ty CP tư vấn SCI	Công ty con	693.349	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	8.293.835.606	9.889.542.789
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập	1.287.489.237	1.018.447.885
Công ty CP tư vấn SCI	Công ty con	104.167.156	784.923.753

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	49.904.463.390	26.448.963.216
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập	14.980.841.084	22.395.438.560
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	16.150.533.357	13.024.751.085
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập	265.095.351	571.744.128
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập	154.004.861	20.429.386
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập	-	51.491.395.261
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con cùng Tập	-	12.500.000.000
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập	5.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.398.011.833	2.732.527.316

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Quách Thị Thanh Thủy**

**Phan Dương Mạnh**

**Phan Thanh Hải**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thanh Hải*



